TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày: 01-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Đơn
2. Ông Đặng Minh Lý

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2019/TLST-DS ngày 09/10/2019 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở:, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ phòng giao dịch: Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu D. Chức vụ: Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1958.

Địa chỉ thường trú: Tổ 59, Khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (trước đây là Tổ 91, Ấp 8, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương); nơi cư trú hiện nay: Khu phố 1, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ông Hồ Thanh B có quan hệ tín dụng với Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh Quận 3 – Phòng giao dịch Trương Định, chi tiết như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 70.000.000 đồng, theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016, Hợp đồng vay số 0153387434T16017, số tiền vay 70.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Biện pháp bảo đảm: Bà Lê Thị Ngọc T (vợ ông Hồ Thanh B) là người bảo lãnh, cam kết với Ngân hàng về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông Hồ Thanh B trong trường hợp ông Hồ Thanh B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Giữa Ngân hàng và ông Hồ Thanh B không có ký hợp đồng bảo hiểm liên quan đến hợp đồng tín dụng này.

Quá trình vay, từ ngày 13/7/2016 đến ngày 03/01/2017, ông Hồ Thanh B chỉ trả tổng số tiền như sau:

Tiền vốn: 18.242.000 đồng;

Lãi trong hạn: 5.488.000 đồng.

Tổng cộng: 23.730.000 đồng.

Ông Hồ Thanh B vi phạm nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 20/11/2018 là 63.660.134 đồng.

Trong đó:

Vốn: 51.758.000 đồng;

Lãi trong hạn: 5.712.000 đồng;

Lãi quá hạn: 6.190.134 đồng.

Do ông Hồ Thanh B đã mất (chết) ngày 17/01/2017, bà Lê Thị Ngọc T đã lên Bảo hiểm xã hội Quận 3 lĩnh hết tiền mai táng phí và tiền tuất 1 lần vào ngày 20/02/2017 với số tiền là 36.592.600 đồng. Sau đó, bà Lê Thị Ngọc T về Bình Dương luôn không liên lạc với Ngân hàng và không thực hiện nghĩa vụ trả thay cho ông B như cam kết trong hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thư nhắc nợ, đề nghị bà Lê Thị Ngọc T thanh toán tiền vay nhưng bà T đều từ chối, né tránh nghĩa vụ trả nợ thay như cam kết.

Do đó, Ngân hàng Đông Á khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thanh toán tổng số tiền là 63.660.134 đồng (bao gồm nợ gốc là: 51.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.712.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/11/2018 là 6.190.134 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016.

- *Bị đơn trình bày:*

Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Thanh B là vợ chồng. Năm 2016, ông B có vay tín dụng Ngân hàng với số tiền 70.000.000 đồng. Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng một phần nợ gốc và lãi được khoảng 06 tháng thì ông B bị bệnh và mất. Khi ông B ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà T có ký bảo lãnh

cam kết thanh toán thay cho ông B trong trường hợp ông B không trả nợ cho Ngân hàng.

Do đó, bà T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà T đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/11/2018 là 63.660.134 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T thanh toán tổng số tiền 71.677.932 đồng, bao gồm nợ gốc là 49.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.712.000 đồng, lãi quá hạn là 16.207.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến ngày bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Hồ Thanh B (Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016). Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thanh toán tổng số tiền 71.677.932 đồng, bao gồm nợ gốc là 49.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.712.000 đồng, lãi quá hạn là 16.207.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến ngày bà T thanh toán hết nợ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, ngày 13/7/2016, ông Hồ Thanh B xác lập hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016 với Ngân hàng để vay số tiền 70.000.000 đồng, bà Lê Thị Ngọc T ký xác nhận bảo lãnh cam kết trả nợ thay cho ông B trong trường hợp ông B không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016 giữa Ngân hàng và ông Hồ Thanh B, bà Lê Thị Ngọc T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông B số tiền 70.000.000 đồng, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 23.730.000 đồng, gồm nợ gốc 18.242.000 đồng, nợ lãi là 5.488.000 đồng. Ngày 17/01/2017, ông B chết nên không thể thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng thay cho ông Hồ Thanh B với số tiền 71.677.932 đồng, bao gồm nợ gốc là 49.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.712.000 đồng, lãi quá hạn là 16.207.932 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc T cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, căn cứ các Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 361, 363 của Bộ luật Dân sự năm 2005) yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Ngọc T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đông Á đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 71.677.932 đồng (Bảy mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc là 49.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.712.000 đồng, lãi quá hạn là 16.207.932 đồng.

Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/7/2020 được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016) đã ký kết giữa ông Hồ Thanh B, bà Lê Thị Ngọc T và Ngân hàng cho đến khi bà Lê Thị Ngọc T thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc T được miễn nộp án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 1.592.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033778 ngày 16/4/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung